

Số: **577** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **23** tháng **3** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023
thành phố Phổ Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thị xã Phổ Yên thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Phổ Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 85/TTr-STNMT ngày 24/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn thành phố Phổ Yên với các nội dung như sau:

Điều chỉnh diện tích đối với một số dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất chuyển tiếp năm 2023 tại phụ lục V kèm theo Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 trên địa bàn thành phố Phổ Yên. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

[Chữ ký]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến



Phụ lục

Điều chỉnh diện tích đối với 21 dự án trên địa bàn thành phố Phổ Yên

(Kèm theo Quyết định số: 577 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt tại Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên								Nay điều chỉnh lại như sau							
	mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	51	Khu đô thị Nam Thái (Phần diện tích 24,68 ha)	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	12,67	9,05			3,62	51	Khu đô thị Nam Thái (Phần diện tích 24,68 ha)	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	13,10	9,05			4,05
			Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	11,58	7,50			4,08			Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	11,58	7,50			4,08
6	67	Khu nhà ở Nam Tiến (Khu số 1)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	14,86	11,00			3,86	67	Khu nhà ở Nam Tiến (Khu số 1)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	15,36	11,00			4,36
7	68	Khu nhà ở Nam Tiến (Khu số 2)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	8,99	7,29			1,70	68	Khu nhà ở Nam Tiến (Khu số 2)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	9,29	7,29			2,00
8	69	Khu nhà ở Nam Tiến (Khu số 3)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	17,60	11,50			6,10	69	Khu nhà ở Nam Tiến (Khu số 3)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	19,10	11,50			7,60
9	70	Khu dân cư Thành Đồng	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	4,94	4,23			0,71	70	Khu dân cư Thành Đồng	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	5,52	4,23			1,29
2	73	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam Thái (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,50	1,00			0,50	73	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị Nam Thái (mở rộng)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	1,64	1,00			0,64

STT	Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt tại Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên								Nay điều chỉnh lại như sau							
	mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
3	74	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 22,65 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	21,65	10,23			11,42	74	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 22,65 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	22,65	10,23			12,42
4	75	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 19,45 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	17,15	9,42			7,73	75	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 19,45 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	18,65	9,42			9,23
			Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	0,70	0,40			0,30			Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	0,80	0,40			0,40
5	76	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 56,37 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	50,56	26,99			23,57	76	Khu đô thị Nam Thái (phần diện tích 56,37 ha)	Phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	53,42	26,99			26,43
			Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	2,75	1,40			1,35			Phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	2,95	1,40			1,55
10	192	Khu công nghiệp Yên Bình (giai đoạn 2)	Xã Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	1,85	0,10			1,75	192	Khu công nghiệp Yên Bình (giai đoạn 2)	Xã Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	1,85	0,10			1,75
			phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	14,31	8,30			6,01			phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên	14,31	8,30			6,01
			Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	26,13	17,80			8,33			Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	34,80	17,80			17,00

STT	Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt tại Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên								Nay điều chỉnh lại như sau							
	mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
11	228	Dự án đường vành đai 5 vùng thủ đô Hà Nội (Đoạn tuyến đi trùng đại lộ Đông - Tây Khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt Sông Cầu)	Xã Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	6,90	1,86			5,04	228	Dự án đường vành đai 5 vùng thủ đô Hà Nội (Đoạn tuyến đi trùng đại lộ Đông - Tây Khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt Sông Cầu)	Xã Tiên Phong, thành phố Phổ Yên	6,90	1,86			5,04
			Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	5,57	1,39			4,18			Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	6,66	1,39			5,27
12	229	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đền thờ liệt sỹ đi đường sắt Hà Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	0,90	0,90			0,00	229	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đền thờ liệt sỹ đi đường sắt Hà Thái	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	0,96	0,90			0,06
13	230	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, phường Ba Hàng	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	0,80	0,70			0,10	230	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, phường Ba Hàng	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1,50	0,70			0,80
14	233	Đường 47m, đoạn từ nút giao đường 47m với Đại lộ Đông Tây đến xóm Bắc xã Tân Hương	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	0,77	0,77			0,00	233	Đường 47m, đoạn từ nút giao đường 47m với Đại lộ Đông Tây đến xóm Bắc xã Tân Hương	Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	1,06	0,77			0,29
			phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên	1,56	1,13			0,43			phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên	1,56	1,13			0,43
15	234	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ ngã 3 chợ Phổ Yên đi khu dân cư VIF	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	2,80	2,80			0,00	234	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ ngã 3 chợ Phổ Yên đi khu dân cư VIF	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	3,00	2,80			0,20

STT	Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt tại Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên								Nay điều chỉnh lại như sau							
	mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
16	248	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	16,88	12,07			4,81	248	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	16,95	12,07			4,88
			phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	11,31	9,67			1,64			phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	11,31	9,67			1,64
			phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	6,29	5,81			0,48			phường Đông Cao, thành phố Phổ Yên	6,29	5,81			0,48
			Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	2,39	1,82			0,57			Phường Đồng Tiến, thành phố Phổ Yên	2,39	1,82			0,57
			Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	32,85	16,15			16,70			Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	32,85	16,15			16,70
			phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên	23,51	14,63			8,88			phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên	23,51	14,63			8,88
			Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	3,11	2,80			0,31			Xã Minh Đức, thành phố Phổ Yên	3,11	2,80			0,31
			Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	44,97	17,35			27,62			Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	50,45	17,35			33,10
17	249	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân y 91	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	1,75	1,50			0,25	249	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân y 91	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	2,05	1,50			0,55

STT	Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt tại Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên								Nay điều chỉnh lại như sau							
	mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				mã STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
18	263	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT274 (từ ĐT261 đi Thành Công) - Giai đoạn 01	phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	1,35	0,50			0,85	263	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT274 (từ ĐT261 đi Thành Công) - Giai đoạn 01	phường Đắc Sơn, thành phố Phổ Yên	1,70	0,50			1,20
			Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	1,45	0,50			0,95			Xã Vạn Phái, thành phố Phổ Yên	1,45	0,50			0,95
			Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	1,05	0,50			0,55			Xã Thành Công, thành phố Phổ Yên	1,20	0,50			0,70
19	277	Hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Nam Thái	Phường Ba Hàng, TP Phổ Yên	0,60	0,40			0,20	277	Hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Nam Thái	Phường Ba Hàng, TP Phổ Yên	0,70	0,40			0,30
			Phường Nam Tiến, TP Phổ Yên	0,72	0,40			0,32			Phường Nam Tiến, TP Phổ Yên	0,72	0,40			0,32
20	284	Xây dựng quần thể khu Văn hóa – Thể thao – Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên	phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	17,50	8,20			9,30	284	Xây dựng quần thể khu Văn hóa – Thể thao – Công viên cây xanh thị xã Phổ Yên	phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	19,00	8,20			10,80
21	285	Công viên, cây xanh (Thuộc Khu đô thị Kim Thái)	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	5,70	4,90			0,80	285	Công viên, cây xanh (Thuộc Khu đô thị Kim Thái)	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên	6,00	4,90			1,10
			phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	0,55	0,45			0,10			phường Nam Tiến, thành phố Phổ Yên	0,55	0,45			0,10